



**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
DỊCH VỤ KHANG TRANG**



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**của dự án
“XÂY DỰNG TRẠI CHĂN NUÔI 2.400 CON
HEO NÁI SINH SẢN”**

Địa chỉ: Ấp Cần Dục, xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước



BÌNH PHƯỚC, THÁNG 06 NĂM 2022



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
DỊCH VỤ KHANG TRANG



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của dự án

**“XÂY DỰNG TRẠI CHĂN NUÔI 2.400 CON
HEO NÁI SINH SẢN”**

Địa chỉ: Ấp Cần Dục, xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
DỊCH VỤ KHANG TRANG



Bùi Thanh Tuấn

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
DỊCH VỤ KHANG TRANG**

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**Của dự án “TRẠI CHĂN NUÔI 2.400 CON HEO NÁI
SINH SẢN”**

BÌNH PHƯỚC, THÁNG 06 NĂM 2022

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	4
DANH MỤC BẢNG.....	5
CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	7
1. Chủ dự án đầu tư: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KHANG TRANG.....	7
2. Tên dự án đầu tư: TRẠI CHĂN NUÔI 2.400 CON HEO NÁI SINH SẢN	7
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư.....	7
3.1. Công suất của dự án đầu tư.....	7
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư.....	7
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư	8
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước	8
CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	10
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:.....	10
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường:.....	10
CHƯƠNG III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	11
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	11
1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	11
1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	11
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	15
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	15
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn nguy hại	17
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	18
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành.....	18
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:.....	19
8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi:	19
9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học:.....	19
10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:.....	20

CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	21
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	21
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:	21
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:	21
4. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại:	22
5. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất:	22
CHƯƠNG V KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN...	23
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án	23
2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật	24
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	25
CHƯƠNG VI CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	26

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TT-BTNMT	: Thông Tư - Bộ Tài Nguyên Môi Trường
QĐ-BYT	: Quyết định – Bộ Y Tế
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
TSS	: Tổng chất rắn lơ lửng
BOD	: Nhu cầu oxy sinh hóa
COD	: Nhu cầu oxy hóa học
CTRSH	: Chất thải rắn sinh hoạt
CTNH	: Chất thải nguy hại

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1: Số lượng heo trong một ngày của trại.....	7
Bảng 1.2: Nhu cầu nguyên liệu của trại chăn nuôi heo	8
Bảng 1.3: Nhu cầu sử dụng nước cho quá trình chăn nuôi giai đoạn ổn định.....	9
Bảng 3.1: Thống kê công trình hệ thống xử lý nước thải đã xây dựng.....	14
Bảng 3.2: Các loại hóa chất sử dụng trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải	15

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1: Sơ đồ quy trình chăn nuôi	8
Hình 3. 1: Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn.....	11
Hình 3. 2: Hệ thống xử lý nước thải của trang trại.....	12
Hình 3. 3: Quy trình xử lý xác heo chết không do dịch bệnh và nhau thai	16

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Chủ dự án đầu tư: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KHANG TRANG

- Địa chỉ văn phòng: Đường số 8, tổ 6, khu phố 1, thị trấn Chơn Thành, xã Minh Đức, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

- Người đại diện: Ông Bùi Thanh Tuấn

- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc

- Điện thoại: 0983.367096 ; Fax: ; E-mail:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số: 3800993183 đăng ký lần đầu ngày 05/07/2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 24/04/2018 của chủ dự án đầu tư.

2. Tên dự án đầu tư: TRẠI CHĂN NUÔI 2.400 CON HEO NÁI SINH SẢN

- Địa điểm thực hiện dự án: Ấp Cần Dực, xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Quyết định số 1562/QĐ-UBND cấp ngày 29/07/2015 về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng trại chăn nuôi 2.400 con heo nái sinh sản tại ấp Cần Dực, xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khang Trang làm chủ đầu tư.

- Quy mô của dự án đầu tư: Trại chăn nuôi 2.400 con heo nái sinh sản.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư

3.1. Công suất của dự án đầu tư

Dự án: “Trại chăn nuôi 2.400 con heo nái sinh sản” được xây dựng trên khu đất có diện tích khoảng 141.944,5 m² tại Ấp Cần Dực, xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

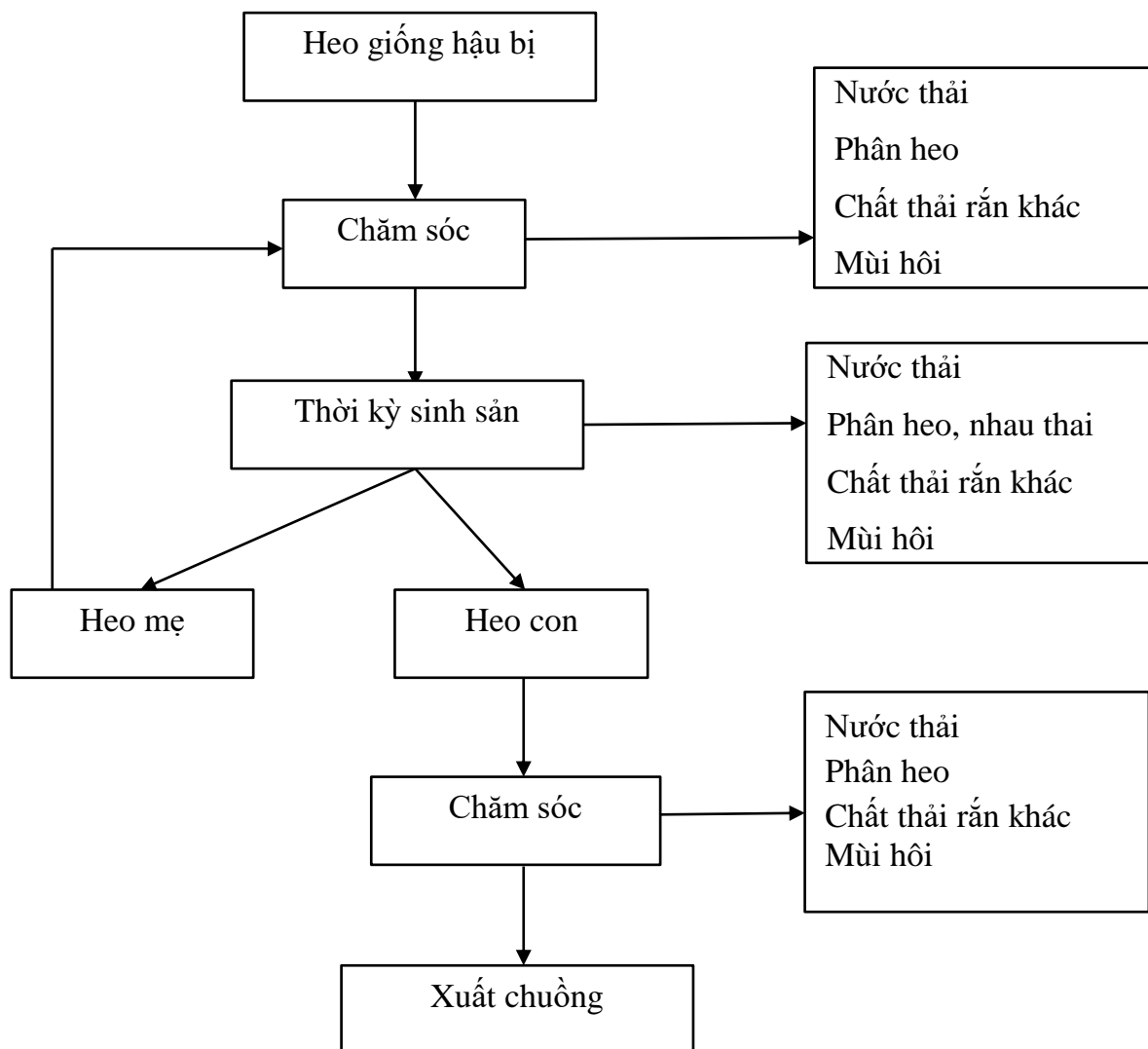
Heo giống được Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P. Việt Nam cung cấp toàn bộ nái hậu bị từ 05 – 06 tháng tuổi đạt tiêu chuẩn trọng lượng và có khả năng sinh sản cao. Sau khi nhập về, heo nái được chăm sóc và quản lý tại trại heo nái đẻ. Đến khi chuẩn bị sinh thì được chuyển sang trại heo mang thai. Sau khi sinh, heo con được nuôi chung với heo mẹ trong lồng âm để ngăn ngừa heo con bị viêm hô hấp, sau thời gian 18-21 ngày, heo mẹ được chuyển sang trại heo nái đẻ, heo con được chuyển sang trại cách ly để cai sữa. Tiếp theo heo nái chữa khác sẽ được chuyển tới từ trại heo đẻ và quy trình này được tái lập như trên. Heo con chuyển xuống trại cai sữa sẽ nuôi được khoảng 10-20 ngày, thức ăn chính là cám và nước.

Số lượng heo phân bổ tại các trại trong một ngày được công ty ước lượng như sau:

Bảng 1.1: Số lượng heo trong một ngày của trại trại

Stt	Loại heo	Số lượng (con)
1	Heo nái sinh sản	2.400
2	Heo con	4.200
3	Heo nọc	40
Tổng cộng		6.640

Quy trình chăn nuôi heo được thể hiện trong sơ đồ sau:



Hình 1.1: Sơ đồ quy trình chăn nuôi

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

Sản xuất heo giống chất lượng tốt: mỗi tháng xuất giao cho Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam 4.200 con heo con từ 14 – 21 ngày tuổi (50.400 con/năm).

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước

➤ Nhu cầu nguyên liệu

Nguyên liệu cung cấp cho trại bao gồm thức ăn cho heo và thuốc phòng bệnh được cung cấp bởi Công ty TNHH Chăn nuôi C.P Việt Nam. Chúng loại và số lượng nguyên liệu của trang trại được liệt kê trong bảng sau

Bảng 1.2: Nhu cầu nguyên liệu của trang trại chăn nuôi heo

Stt	Nguyên liệu	Nguồn cung cấp	Đơn vị	Số lượng
1	Thức ăn cho hậu bị	C.P	Kg/năm	304.000
2	Thức ăn cho heo nọc	C.P	Kg/năm	2.200
3	Thức ăn cho heo mang thai	C.P	Kg/năm	1.700.000

4	Thức ăn cho heo đẻ	C.P	Kg/năm	974.000
5	Thức ăn cho heo con	C.P	Kg/năm	100.000
6	Kháng sinh	C.P	Liều/năm	16.600
7	Vaccin ngừa dịch tả	C.P	Liều/năm	16.500
8	Vaccin ngừa lở mồm long móng	C.P	Liều/năm	16.500
9	Vaccin ngừa dịch heo tai xanh	C.P	Liều/năm	16.500
10	Thuốc thú y - vitamin	C.P	Liều/năm	90.000

Nguồn: Công ty TNHH Chăn nuôi C.P Việt Nam

➤ Nhu cầu sử dụng nước

Lượng nước cần cho hoạt động của dự án chủ yếu là phục vụ nhu cầu chăn nuôi như: nước uống cho heo, nước vệ sinh chuồng trại, nước cho sinh hoạt của công nhân. Chủ dự án sẽ đầu tư 3 giếng khoan để khai thác nước ngầm phục vụ hoạt động của trang trại và sẽ tiến hành làm thủ tục xin cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả thải vào nguồn nước theo Nghị định 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ.

Nhu cầu dùng nước của trại thể hiện trong bảng sau đây:

Bảng 1.3: Nhu cầu sử dụng nước cho quá trình chăn nuôi giai đoạn ổn định

Stt	Mục đích sử dụng	Định mức	Số lượng	Lượng nước (l/ng.đ)
1	Nước uống cho heo nái	25 lít/con/ng.đ	2.400 con	60.000
2	Nước uống cho heo con	0,49 lít/con/ng.đ	4.200 con	2.058
3	Nước uống cho lợn đực	15 lít/con/ng.đ	40 con	600
4	Nước tắm rửa cho heo trưởng thành (không tính heo con), rửa chuồng	25 lít/người/ng.đ	2.440 con	61.000
5	Nước sinh hoạt cho công nhân	120 lít/người/ng.đ	53 người	6.360
6	Nước sát trùng cho công nhân	20 lít/người/lần	40 người	800
7	Nước cho hồ sát trùng	50 lít/xe	4 xe	200
Tổng cộng				131,018 (131,018 m ³ /ng.đ)

Nguồn: Công ty TNHH Chăn nuôi C.P Việt Nam cung cấp định mức

4.4. Nhu cầu sử dụng điện

Quá trình sản xuất của dự án phần lớn dựa vào phần điện năng. Định mức tiêu thụ sau khi đã trừ đi nguồn điện năng lấy từ công nghệ Biogas trung bình đối với việc nuôi 2.400 heo nái sinh sản là 300.000 KW/năm. Ngoài nguồn điện năng dự án tự cung cấp, phần còn lại được sử dụng từ mạng lưới điện quốc gia.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

Dự án Xây dựng trại chăn nuôi heo công nghiệp, quy mô 12.000 con heo thịt đã được UBND tỉnh Bình Phước chấp, thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 3522/QĐ-UBND ngày 17/10/2014.

Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt tại quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 29/7/2015 dự án phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường của địa phương.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường:

Sự phù hợp của dự án Xây dựng trại chăn nuôi heo công nghiệp, quy mô 12.000 con heo thịt đối với khả năng chịu tải của môi trường đã được đánh giá trong quá trình thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và không thay đổi.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

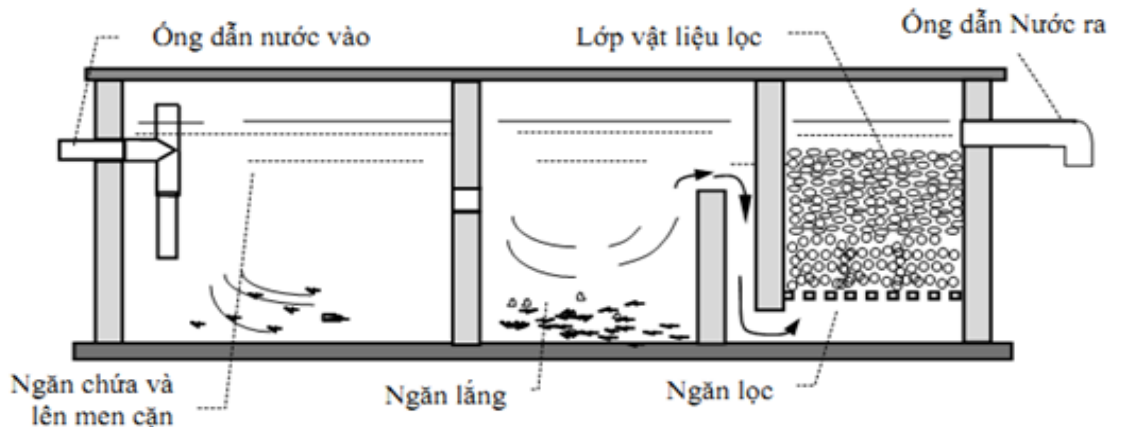
Nước mưa chảy tràn: Chủ đầu tư dự án đã thiết kế hệ thống mương đất rộng 0,5m, sau 0,4m, dài 500m, qua các hố ga để lắng cát và loại bỏ các chất lơ lửng chảy về hồ chứa nước mưa là hồ đất, có lót bạt HDPE với thể tích 32.400m³ (90mx60mx6m).

1.2. Thu gom, thoát nước thải

❖ Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn trước khi dẫn về bể Biogas của hệ thống xử lý nước thải bằng hệ thống đường ống PVC có kích thước Ø 400mm, dài khoảng 290m dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý

Cấu tạo gồm 03 ngăn: ngăn phân hủy, ngăn lắng và ngăn lọc

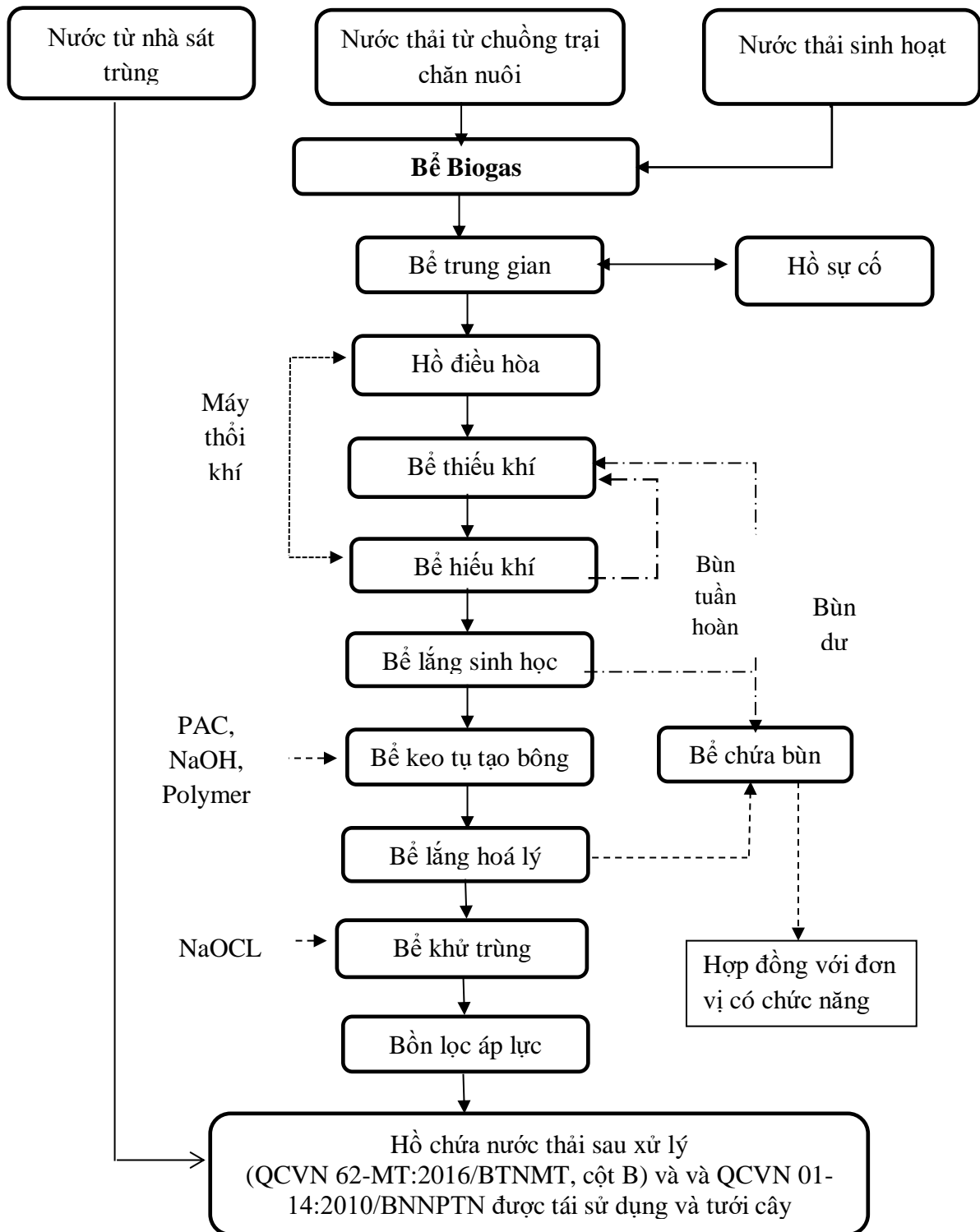


Hình 3. 1: Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

Nguyên lý làm việc của bể tự hoại: Nước thải được thải ra và dẫn đến bể phốt. Tại bể phốt, nước thải cặn bã sẽ được xử lý sinh học yếm khí, cặn có trong nước thải được lên men sẽ lắng xuống đáy bể và nước chảy ra sang hố ga. Tại đây, hố ga sẽ ngưng đọng lại những chất vẫn còn theo nước ra tích tụ lại thành bùn và nước thải sẽ được dẫn vào hệ thống xử lý chung của công ty. Đường ống được bố trí theo nguyên lý chảy tràn chênh lệch mực nước từ trên xuống dưới. Khi cặn bã tại bể phốt đầy, bể phốt được hút để tránh cặn bã dồn ứ gây ra tắc cống nước.

❖ Nước thải chăn nuôi

Trại đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 200m³/ngày với quy trình như sau:



Hình 3. 2: Hệ thống xử lý nước thải của trang trại

Thuyết minh quy trình:

Nước thải phát sinh của trang trại có lưu lượng 200 m³/ngày được thu gom về bể Biogas và được bơm về cụm xử lý tập trung.

➤ **Bể Biogas**

Nước thải phát sinh từ hoạt động của trang trại được chia làm 02 loại:

- Nước thải bài tiết của heo nái

- Nước thải vệ sinh chuồng trại

Nước thải từ các 02 nguồn trên sẽ được dẫn về bể Biogas có lót bạt HDPE để xử lý COD, BOD sơ bộ của nước thải. Nước thải ra khỏi bể Biogas sẽ được dẫn về bể trung gian.

➤ **Bể trung gian**

Nước thải ra khỏi bể Biogas sẽ tự chảy sang bể trung gian. Trong bể trung gian có lắp đặt hệ thống bơm chìm để bơm nước thải đến trạm xử lý tập trung.

➤ **Bể điều hoà**

Nước thải từ bể trung gian sẽ được bơm đến bể điều hoà nhằm ổn định lưu lượng và nồng độ. Trong bể có lắp đặt hệ thống phân phối khí giúp oxy hoá sơ bộ hàm lượng ô nhiễm chất hữu cơ và dinh dưỡng có trong nước thải. Nước thải ra khỏi bể sẽ được bơm đến bể thiếu khí.

➤ **Bể thiếu khí**

Nhiệm vụ chính của bể là xử lý hàm lượng Nito có trong nước thải. Trong bể có lắp đặt hệ thống máy khuấy chìm nhằm tạo môi trường thiếu khí trong nước thải. Nước thải ra khỏi bể thiếu khí sẽ tự chảy sang bể hiếu khí

➤ **Bể hiếu khí**

Bể hiếu khí sinh học: nhằm loại bỏ các chất hữu cơ và dinh dưỡng có trong nước thải. Bể hiếu khí được cấp khí thông qua các đĩa phân phối khí được đặt ở đáy bể nhằm xử lý chất hữu cơ có trong nước thải. Bên cạnh đó, giá thể vi sinh sẽ làm tăng hiệu quả xử lý của vi sinh vật. Nước thải ra khỏi ngăn hiếu khí sẽ tự chảy sang bể lắng sinh học

➤ **Bể lắng sinh học**

Nước thải sẽ được tách bùn trọng lực, phần nước trong sẽ theo máng răng cưa thu nước dẫn đến cụm bể keo tụ tạo bông. Phần bùn đáy một phần được tuần hoàn về bể thiếu khí nhằm duy trì hàm lượng vi sinh vật, một phần được đưa đến bể chứa bùn dư thông qua bơm chìm được lắp đặt trong bể.

➤ **Cụm bể keo tụ tạo bông**

Nhiệm vụ chính của cụm bể là xử lý Photpho có trong nước thải. Tại bể keo tụ, hoá chất PAC và NaOH sẽ được châm vào nước thải để quá trình keo tụ tạo bông được diễn ra. Nước thải ra khỏi bể keo tụ sẽ tự chảy sang bể tạo bông, đồng thời hoá chất Polymer anion sẽ được châm vào giúp đẩy nhanh quá trình tạo bông. Nước thải ra khỏi cụm bể keo tụ tạo bông sẽ tự chảy sang bể lắng hoá lý.

➤ **Bể lắng hoá lý**

Nước thải sẽ được tách bùn trọng lực, phần nước trong sẽ theo máng răng cưa thu nước dẫn sang bể khử trùng. Phần bùn dư định kỳ sẽ được đưa về bể chứa bùn dư thông qua bơm chìm được lắp đặt trong bể.

➤ **Bể khử trùng**

Hoá chất NaOCl được châm vào bể giúp loại bỏ triệt để vi sinh vật gây bệnh như Coliform, E.coli. Nước thải ra khỏi bể khử trùng sẽ được bơm đến hệ thống lọc áp lực giúp loại bỏ triệt để hàm lượng cặn lơ lửng còn sót lại trong nước thải và được dẫn vào hồ chứa sinh học phục vụ công tác tưới tiêu

➤ **Hệ thống lọc áp lực:**

Bồn lọc áp lực có nhiệm vụ khử chất rắn lơ lửng không lắng được và các chất hữu cơ còn lại trong nước sau xử lý hóa lý trước khi thải vào nguồn tiếp nhận. Hệ thống lọc sau một thời gian vận hành liên tục sẽ bị tắc lọc hoặc lưu lượng sau lọc giảm do trở lực ngày càng lớn nên cần phải tiến hành rửa lọc theo định kỳ để loại bỏ cặn.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi)

➤ **Hồ sự cố (Hồ ứng phó sự cố):**

Hồ sự cố là hạng mục phòng ngừa nhằm ứng phó với các tình huống sự cố nước thải gây ra bởi các bồn bể, thiết bị trong quy trình công nghệ bị sự cố hư hỏng. Lúc này nước thải sẽ được chuyển hướng và tích chứa tạm tại ”Hồ sự cố” và nước thải tại ”Hồ sự cố” sẽ được tái xử lý sau khi hệ thống được khôi phục và đảm bảo chất lượng vận hành trở lại. Theo các quy định của pháp luật về môi trường và ứng với khối lượng nước thải theo tính toán thiết kế của trang trại, dung tích ”hồ sự cố” phải đảm bảo thời gian lưu trữ nước thải tối thiểu 01 ngày (24 giờ) tương đương với thể tích bể $\geq 200m^3$, Hồ đào âm và lót bạt chống thấm HDPE.

Bảng 3.1: Thống kê công trình hệ thống xử lý nước thải đã xây dựng

STT	Hạng mục thiết kế	Kích thước DxRxH (m)	Thể tích V(m ³)	Số lượng	Cấu tạo
1	Hầm biogas	25 x 50 x 5	6.250	1	Hồ đất vác taluy, lót và phủ bạt HDPE
2	Bể trung gian	2 x 2 x 3	12	1	BTCT, trát chống thấm
3	Hồ sự cố	15 x 25 x 5	1.875	1	Hồ đất, lót bạt HDPE
4	Hồ điều hòa	10 x 10 x 3	300	1	Hồ đất, lót bạt HDPE
5	Bể thiếu khí	3 x 7 x 4,5	94,5	1	BTCT, trát chống thấm
6	Bể hiếu khí	3,7 x 7 x 4,5	116,55	1	BCCT, trát chống thấm
7	Bể lắng sinh học	3,7 x 3,7 x 4,5	61,605	1	BTCT, trát chống thấm
8	Bể keo tụ	1,4 x 1,4 x 4,5	8,82	1	BTCT, trát chống thấm
9	Bể tạo bông	1,4 x 1,4 x 4,5	8,82	1	BTCT, trát chống thấm
10	Bể lắng hóa lý	3 x 3 x 4,5	40,5	1	BTCT, trát chống thấm
11	Bể khử trùng	1,2 x 3 x 4,5	16,2	1	BTCT, trát chống thấm
12	Bể chứa bùn	2,1 x 3,7 x 4,5	34,965		BTCT, trát chống thấm
13	Bồn lọc áp lực	(DxH):1,05 x 1,85	1,6	1	Composite
14	Hồ chứa nước sau xử lý	30 x 80x 6	14.400	1	Hồ đất, lót bạt HDPE

Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải, công ty có sử dụng một số loại hóa chất sau:

Bảng 3.2: Các loại hóa chất sử dụng trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải

TT	Hóa chất	Lượng hóa chất/ngày (kg/ngày)
1	PAC	4,5
2	Polymer	1,5
3	NaOH	1
4	NaOCl	1

Công ty đã lắp đặt công tơ điện riêng để theo dõi mức tiêu hao điện năng trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải, mùi hôi được công ty áp dụng tại trại:

- Bố trí các quạt hút tại chuồng nuôi;
- Trồng cây xanh quanh khu vực chuồng nuôi để hạn chế mùi ảnh hưởng đến khu vực xung quanh dự án.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

➤ Chất thải rắn sinh hoạt

- Thu gom chất thải rắn sinh hoạt vào các thùng chứa thích hợp. Các thùng chứa 60 lít được bố trí tại nhà ăn (2 cái), nhà ở của công nhân (2 cái), nhà bảo vệ (1 cái), nhà nghỉ giữa trưa (1 cái).

- Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

➤ Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại

• **Phân heo:** Phân heo hằng ngày sẽ được thu gom, phân từ các chuồng heo nái được thu gom phân khô vào bao và chứa tại nhà để phân có diện tích 120m² (15m x 8m).

Phân heo sẽ được xử lý theo điểm a, khoản 3, Điều 12 của Quyết định 25/2018/QĐ-UBND ngày 27/04/2018 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định về quản lý Nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước, trước khi đưa ra môi trường.

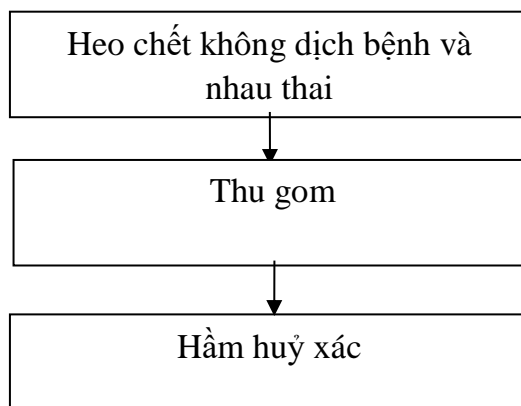
Để hạn chế mùi hôi và giúp xử lý phân công ty sẽ dùng chế phẩm vi sinh, tiến hành phun đều lên phân heo. Tần suất phun 1 ngày/lần. Ngoài ra, tiến hành rắc vôi bột nhằm xử lý các vi khuẩn có hại tồn tại trong phân heo tần suất 1 ngày/lần. Phân sau đó sẽ được đóng bao với trọng lượng 50kg/bao. Phân sau khi đóng bao sẽ vận chuyển về nhà để phân với diện tích 120m² để lưu trữ trước khi chuyển giao cho đơn vị có nhu cầu. Phân đã được đóng bao với trọng lượng khoảng 50 kg/bao sẽ được xe tải tới vận chuyển. Công ty sẽ ký hợp đồng chuyển giao phân bón cho đơn vị có nhu cầu, cụ thể là hợp đồng với Công ty TNHH Đông Nam Long để thu gom và xử lý.

Nhà để phân: nhà 1 tầng. Nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây kín tô 2 mặt quét sơn nước, mái lợp tole, diện tích 120m². Khu vực xung quanh máy chứa phân sẽ được phun chế phẩm vi sinh để giảm mùi hôi.

• **Heo chết không do dịch bệnh và nhau thai**

Trại thường xuyên được khử trùng, heo được tiêm ngừa phòng bệnh định kỳ và có bác sỹ thú ý trực tiếp chăm sóc đàn heo nên lượng heo chết là tương đối nhỏ.

Lượng heo chết và nhau thai sẽ được xử lý bằng phương pháp vô cơ hóa nhờ phân hủy tại hầm huỷ xác. Công ty đã tiến hành xây dựng 01 hầm huỷ xác với quy trình huỷ xác bằng hầm huỷ xác mô tả như sau:



Hình 3. 3: Quy trình xử lý xác heo chết không do dịch bệnh và nhau thai

❖ **Thuyết minh quy trình xử lý xác heo chết không dịch bệnh bằng hố huỷ xác:**

Heo chết không dịch bệnh phát sinh từ dự án sẽ được chuyển ngay ra khu vực hầm huỷ xác.

Khu vực huỷ xác: Khu vực huỷ xác được bố trí bên trong khu đất của dự án biệt lập và cách xa với khu vực chuồng nuôi. Trại trại bố trí và xây dựng hầm huỷ xác có kết cấu bê tông chống thấm, cửa đóng kín với kích thước: Dài x rộng x sâu = 10m x 5m x 4m, hầm huỷ được chia thành 2 ngăn nằm liền nhau, mỗi ngăn có kích thước 5m x 5m x 4m, có 2 cửa (mỗi ngăn 1 cửa), để bỏ lượng heo chết không do dịch bệnh thực tế rất ít, cửa được xây bằng gạch, cánh cửa bằng tấm màng HDPE, với kích thước dài x rộng: 0,4m x 0,4m. Bề mặt hầm huỷ xác bố trí cửa kín có rắc vôi bột đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

Quy trình huỷ xác:

- Bước 1: Sau khi hoàn tất công tác bố trí và xây dựng hầm huỷ xác, tiến hành rải vôi bột làm lớp lót đáy của hầm huỷ xác.
- Bước 2: Cho xác động vật và sản phẩm động vật cần tiêu huỷ xuống hầm.
- Bước 3: Rải một lớp vôi bột lên lớp xác vừa được đưa vào hầm. Tùy theo số lượng xác để rải vôi bột.
- Bước 4: Đóng cửa sau khi thực hiện các bước trên. Sau khi bị chét, xác động vật sẽ được phân huỷ tương tự quá trình vô cơ hoá chất hữu cơ trong tự nhiên.
- Bước 5: Phía ngoài khu vực hầm huỷ xác, tạo một rãnh nước với kích thước: rộng 20 – 30cm và sâu 20 – 25 cm, có tác dụng dẫn nước mưa thoát ra ngoài, tránh ứ đọng nước quanh hầm huỷ xác.
- Bước 6: Trên bề mặt hầm huỷ xác, rắc vôi bột với lượng 0,8kg/m² hoặc phun dung dịch chlorine nồng độ 2%, với lượng 0,2 – 0,25 lít/m² để hạn chế khả năng phát tán mùi và nguy cơ bệnh dịch nếu có trong quá trình thao tác.

- Bước 7: Khi lượng xác heo tại ngăn 1 đầy, công ty tiến hành bỏ xác heo vào ngăn thứ 2. Trong thời khoảng 3 – 6 tháng thì xác heo tại ngăn 1 đã phân hủy và sẽ được đem đi bón cây, công ty sẽ tiếp tục bỏ xác heo vào ngăn 1, và tiếp tục như vậy cho ngăn thứ 2.

•Bùn sinh ra từ hệ thống xử lý nước thải

Bùn từ hệ thống xử lý được dẫn về bể chứa bùn thể tích $2,1 \times 3,7 \times 4,5 = 34,965m^3$ bằng BTCT, trát chống thấm. Công ty sẽ ký hợp đồng đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý lượng bùn phát sinh này.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn nguy hại

Dự báo khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trung bình 1 năm được mô tả chi tiết trong bảng sau:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	05	08 02 04
2	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	80	13 02 01
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	20	16 01 06
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	160	17 02 03
5	Bao bì mềm thải	Rắn	140	18 01 01
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	80	18 01 02
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	90	18 01 03
8	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (chai, lọ thủy tinh đựng thuốc, vắc xin)	Rắn	50	18 01 04
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	60	18 02 01
10	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	20	19 06 01
Tổng			705	

Chất thải nguy hại được thu gom vào các thùng chứa chất thải nguy hại có thể tích bằng nhựa HPDE, có nắp đậy kín và có dán nhãn cảnh báo. Lượng CTNH này được bố trí để riêng trong khu vực kho chứa CTNH với diện tích là 20m², có mái che, sàn cao tránh bị ngập nước, nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây tô 2 mặt sơn nước, mái lợp tole, có dán biển cảnh báo, có bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy và rãnh và hố thu gom chất thải dạng lỏng,...theo đúng quy định.

Công ty đã hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo đúng quy định.

Công ty đã tiến hành lập Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 70.000360.T cấp lần đầu ngày 26/12/2019.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn được công ty áp dụng:

- Có kế hoạch thường xuyên trong việc theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường kỳ tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của động cơ xe và máy phát điện).
- Phân cụm chuồng trại hợp lý, cách xa khu vực văn phòng.
- Máy phát điện được đặt trong phòng cách ly cách xa khu vực nhà kho, máy được đặt trên giá đỡ có các chân đệm bằng cao su, gỗ nhằm hạn chế tiếng ồn và độ rung.
- Các phương tiện vận chuyển hạn chế nổ máy trong thời gian chờ chuyển heo và nguyên liệu lên xuống xe.
- Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án cũng góp phần giảm thiểu tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

➤ Phòng chống sự cố cháy, nổ

- Các máy móc, thiết bị làm việc ở nhiệt độ, áp suất cao sẽ được quản lý thông qua các hồ sơ lý lịch được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ tại các cơ quan chức năng nhà nước. Các thiết bị này sẽ được lắp đặt các đồng hồ đo nhiệt độ, áp suất, mức dung dịch trong thiết bị, ... nhằm giám sát các thông số kỹ thuật;

- Hệ thống cứu hỏa được kết hợp giữ khoảng cách của các khu vực lớn hơn 10m đủ điều kiện cho người và phương tiện di chuyển khi có cháy, giữ khoảng rộng cần thiết ngăn cách đám cháy lan rộng. Các họng lấy nước cứu hỏa bố trí đều khắp phạm vi các phân xưởng, khu lưu chứa, nhiên liệu, sản phẩm, kết hợp các công cụ chữa cháy như bình CO₂, bình bột,...trong từng bộ phận sản xuất và đặt ở những địa điểm thao tác thuận tiện. Hệ thống phun nước chữa cháy tự động theo giới hạn nhiệt độ 70⁰C bố trí đều trên mái nhà máy kết hợp hệ thống bơm điều khiển bằng áp lực trong đường ống hoặc từ bể dự trữ nước trên cao.

- Trong các vị trí sản xuất thực hiện nghiêm ngặt quy phạm an toàn đối với từng công nhân trong suốt thời gian làm việc;

- Lắp đặt hệ thống báo cháy, hệ thống thông tin, báo động. Các phương tiện phòng cháy chữa cháy sẽ được kiểm tra thường xuyên và ở trong tình trạng sẵn sàng hoạt động;

- Trong khu vực có thể gây cháy, công nhân không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa do ma sát, tia lửa điện,...

- Xây dựng đội phòng chống cháy nổ đảm nhiệm cho dự án;

- Cán bộ, công nhân viên được tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ;

- Đầu tư các thiết bị chống cháy nổ tại các khu vực kho chứa hàng hóa, nhiên liệu. Bố trí hệ thống chống cháy nổ tại xung quanh khu vực dự án.

➤ **Hệ thống chống sét**

- Lắp hệ thống chống sét cho các vị trí cao của khu vực dự án;
- Lắp đặt hệ thống thu sét, thu tĩnh điện tích tụ và cải thiện hệ thống theo các công nghệ mới nhằm đạt độ an toàn cao cho các hoạt động của dự án;
- Điện trở tiếp đất xung quanh $< 10\Omega$ khi điện trở xuất của đất $< 50.000 \Omega/\text{cm}^2$. Điện trở tiếp đất xung kích $> 10 \Omega$ khi điện trở xuất của đất $> 50.000 \Omega/\text{cm}^2$;
- Tiến hành lắp đặt hệ thống chống sét chung cho toàn bộ khu vực dự án và từng hạng mục công trình;
- Sử dụng loại thiết bị chống sét tích cực, các trụ chống sét được bố trí để bảo vệ khắp dự án với độ cao bảo vệ tính toán là 10 – 14m;
- Tiến hành đầu tư theo tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng.

➤ **Phòng chống dịch bệnh lan truyền**

Để phòng ngừa phòng chống dịch bệnh lan truyền từ heo, trại sẽ thực hiện các biện pháp dưới đây:

- Đảm bảo nguồn giống tốt;
 - Cố định nhà cung cấp thức ăn đảm bảo chất lượng tốt;
 - Vệ sinh chuồng trại thường xuyên;
 - Tiêm phòng dịch bệnh thường xuyên cho đàn heo và đảm bảo các yêu cầu của trung tâm phòng bệnh dịch và các quy định về an toàn và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.
- Khi phát hiện dịch bệnh, Trại sẽ áp dụng các biện pháp sau để khắc phục:
- Cách ly heo bệnh để theo dõi;
 - Báo cho Trung tâm vệ sinh phòng dịch hay Cục thú y của ấp và huyện xuống lấy mẫu xét nghiệm để tìm ra nguyên nhân gây bệnh và có biện pháp điều trị thích hợp.
 - Tiêm ngừa phòng bệnh cho các heo nốt chung chuồng với heo bị bệnh;
 - Khi heo chết hàng loạt, Trại sẽ báo ngay với Trung tâm vệ sinh phòng dịch hay Cục thú y huyện để có biện pháp hỗ trợ tiêu hủy hợp vệ sinh.

➤ **Kiểm soát hệ thống XLNT**

- Thường xuyên kiểm tra máy móc thiết bị trong khu vực lò đốt và hệ thống xử lý nước thải.
- Kiểm tra thường xuyên chất lượng nước thải sau xử lý và khí thải đầu ra từ lò đốt để kịp thời xử lý.
- Nếu xảy ra sự cố không khắc phục kịp phải báo cho cơ quan có chức năng và các chuyên gia về vấn đề môi trường để giải quyết.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

Không có

8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi:

Không có

9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học:

Không có

10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

STT	Tên công trình bảo vệ môi trường	Phương án đề xuất trong báo cáo ĐTM	Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện	Quyết định phê duyệt điều chỉnh của cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM (nếu có)
1	Hệ thống xử lý nước thải	Nước thải từ chuồng trại, phân heo con → Hầm Biogas; Nước thải từ nhà sát trùng và hồ sát trùng, Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 3 ngăn → Hồ tiếp nhận → Hồ sinh học (bậc 1) → Hồ sinh học (bậc 2) → Hồ nuôi cá → Tưới cây. Nước sau xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT	Nước thải từ chuồng trại, phân heo con → bể Biogas → bể trung gian → hồ điều hòa → bể thiếu khí → bể lắng sinh học → bể keo tụ tạo bông → bể lắng hóa lý → bể khử trùng → bồn lọc áp lực → Hồ chứa nước thải sau xử lý. Nước sau xử lý đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT và QCVN 01-14:2010/BNNPTN dùng để tái sử dụng rửa chuồng, làm mát và tưới cây.	Văn bản số 2879/STNMT-CCBVMT ngày 13/11/2020 về việc ý kiến đối với việc bổ sung một số hạng mục công trình so với nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khang Trang

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải của dự án gồm 02 nguồn thải chính:
 - + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt
 - + Nguồn số 02: Nước thải chăn nuôi
- Lưu lượng nước thải tối đa: Tổng lưu lượng phát sinh nước thải của dự án là 131,018 m³/ngày đêm cụ thể như sau:
 - + Nguồn số 01: Lưu lượng tối đa khoảng 6,36 m³/ngày đêm
 - + Nguồn số 02: Lưu lượng nước thải tối đa là 124,658 m³/ngày đêm.
- Dòng nước thải: Dự án có 02 nguồn nước thải gồm nước thải chăn nuôi, nước thải sinh hoạt được xử lý tập trung qua hệ thống xử lý nước thải và đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột B trước khi đưa vào mục đích tưới tiêu, rửa chuồng, làm mát.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nước thải của dự án là nước thải sinh hoạt, chăn nuôi được xử lý đạt cột B QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trang trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học; giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng thải như sau:

Bảng 4. 1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải của dự án

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Giá trị C - Cột B	QCVN 01-14:2010/BNNPTNT
1	pH ^(a,b)	-	5,5 - 9	-
2	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	100	-
3	COD ^(b)	mg/L	300	-
4	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/L	150	-
5	Tổng Nitơ	mg/L ml	150	-
6	Tổng Coliform ^(b)	MPN/100mL hoặc CDU/100 ml	5000	5000
7	Coli phân	MPN/100mL	-	500
8	Salmonella	MPN/50mL	-	KPH

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau khi được xử lý được tái sử dụng vào mục đích tưới tiêu, rửa chuồng, rửa đường và làm mát cho trang trại.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

Không có

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: Từ tiếng kêu của heo đồng phát khi đói.
- Nguồn số 2: Từ các máy bơm nước thải.

3.2. Giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn tại Dự án nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 24:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

- + Từ 6 giờ - 21 giờ (dBA): 85
- + Từ 21 giờ - 6 giờ (dBA): 85

4. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại:

Không có

5. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất:

Không có

Chương V

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

STT	Công trình bảo vệ môi trường	Thời gian dự kiến
1	Công trình xử lý nước thải sinh hoạt, chăn nuôi	06/2022 – 09/2022
2	Công trình xử lý xác heo chết không do dịch bệnh	06/2022 – 09/2022
3	Kho chứa chất thải rắn thông thường và nguy hại	06/2022 – 09/2022

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

- Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu:

STT	Kế hoạch lấy mẫu	Số lượng	Thời gian dự kiến
1	Nước thải trước HTXL	5	06/2022 – 09/2022
2	Nước thải sau HTXL	5	06/2022 – 09/2022
3	Nước thải trước HTXL	1	09/2022
4	Nước thải sau HTXL	7 (lấy trong 7 ngày liên tiếp)	

- Kế hoạch đo đạc, lấy mẫu phân tích, thời gian, tần suất lấy mẫu thực hiện theo ĐTM:

+ Giám sát nước thải: pH, BOD₅, COD, TSS, Tổng Nito, Tổng Coliform, Coli phân, Sanmonella.

01 mẫu tại đầu vào hệ thống xử lý nước thải.

01 mẫu tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải.

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện:

- Trung tâm nghiên cứu Dịch vụ Công nghệ & Môi trường tiến hành đo đạc, lấy mẫu phân tích.

+ Địa chỉ: Số 20, đường số 4, phường 15, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Điện thoại: 028.39162814

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động quan trắc môi trường số hiệu vimcerts 089 theo quyết định số 577/QĐ-BTNMT ngày 25/3/2022 của bộ tài nguyên và môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

- Chứng chỉ công nhận phòng thí nghiệm mã số vilas 495 theo quyết định số 758.2020/QĐ-VPCNCL ngày 15/09/2020 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng.

2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình giám sát môi trường định kỳ

a. Giám sát môi trường không khí

❖ Giám sát khí thải phát sinh từ chuồng trại

+ Vị trí giám sát: 02 điểm giám sát (01 điểm tại khu vực chuồng heo, 01 điểm tại trạm xử lý nước thải).

+ Chỉ tiêu giám sát: tiếng ồn, NH₃, H₂S, CH₄, NO₂, SO₂, bụi.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

+ Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu-giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc, QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc và QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

❖ Không khí xung quanh

+ Vị trí giám sát: 02 điểm giám sát trên khu vực dự án (01 điểm tại cổng trại, 01 điểm ở trung tâm trại).

+ Chỉ tiêu giám sát: tiếng ồn, bụi, NH₃, H₂S, CH₄, NO₂, SO₂.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

+ Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu-giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc, QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc và QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

b. Giám sát môi trường nước thải

+ Vị trí giám sát: 01 điểm lấy mẫu tại ao sinh học (bậc 2)

+ Chỉ tiêu giám sát: lưu lượng, pH, BOD₅, COD, Tổng chất rắn lơ lửng, Tổng Nito, T.Coliform, Coli phân, Samonella.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

+ Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTMNT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nước thải chăn nuôi và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi heo an toàn sinh học.

c. Giám sát môi trường nước mặt

+ Vị trí giám sát: 01 mẫu tại giếng khoan trong trang trại;

+ Chỉ tiêu giám sát: : pH, BOD₅, COD, DO, TSS, Amoni, Nitrat, Nitrit, Sunfat, Coliform.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

+ Tiêu chuẩn so sánh: cột A, QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt.

d. Giám sát môi trường nước ngầm

+ Vị trí giám sát: 01 mẫu tại giếng khoan trong khu vực dự án;

+ Chỉ tiêu giám sát: : pH, Độ cứng, TSS, COD, Nitrat, Nitrit, Amoni, Mangan, Coliform.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

+ Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 09-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước ngầm.

e. Giám sát chất lượng đất

+ Vị trí giám sát: tại trung tâm dự án và tại khu vực tưới cao su và cây mầu được lấy nhiều địa điểm và trộn đều để lấy giá trị trung bình ở khu vực tưới;

+ Chỉ tiêu giám sát: :pH, As, Cd, Pb, Zn, Hg, tổng N, tổng P, Cu, tổng Fe.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

+ Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 03-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về giới hạn cho phép của kim loại nặng trong đất.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Kinh phí để thực hiện chương trình giám sát môi trường của Dự án trong mỗi đợt dự kiến khoảng 18.370.000 VNĐ.

Chương VI

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Công ty cam kết sẽ xử lý chất thải theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

– Cam kết sẽ xử lý nước thải đầu ra đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01 – 14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học.

– Cam kết chất lượng không khí đạt QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - mức cho phép ánh sáng tại nơi làm việc, QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu-giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc, QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc và QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

– Cam kết các chỉ tiêu trong nước ngầm tại giếng khoan trong trang trại đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN09-MT:2015/BTNMT.

– Cam kết thực hiện kiểm soát môi trường đất theo QCVN 03-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về giới hạn cho phép của kim loại nặng trong đất, nước mặt theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt, cột B1.

– Đối với chất thải rắn không nguy hại và rác thải sinh hoạt, Công ty sẽ ký hợp đồng thu gom và xử lý với các đơn vị có chức năng để thu gom xử lý.

PHỤ LỤC